TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:72/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19/6/2023.
Về việc: "*Ly hôn và nuôi con*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Chiến.

Ông Võ Minh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thành Trung – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 624/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc "*Ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2023/QĐXXST -HN ngày 29 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐST-HN ngày 29 tháng 5 năm 2023 giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị H, sinh ngày 28/8/1990. (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Anh Tr, sinh ngày 01/02/1984. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2022 và trong quá trình tố tụng chị H trình bày:

Chị và anh Tr cưới nhau vào năm 2019, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống có hạnh phúc, đến tháng 9/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên A, sinh ngày 12/6/2010. Chị H yêu cầu được nuôi cháu A, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/4/2023, anh Tr trình bày:* Anh và chị H kết hôn lần đầu vào năm 2009 sau đó đã ly hôn, đến năm 2019 thì đăng ký kết hôn lại tại UBND xã B nhưng vẫn không thể duy trì được cuộc hôn nhân. Nay, chị Huyền xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên A, sinh ngày 12/6/2010. Anh đồng ý để chị H nuôi con chung và anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm*:

- *Về tố tụng:* Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về Hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Tr.

+ Về con chung: Chị H được nuôi con chung tên Dương Ngọc Anh, sinh ngày 12/6/2010. Ghi nhận chị Huyền không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Tr được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về Hôn nhân: Chị H và anh Tr kết hôn vào năm 2019, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 20/8/2019 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị H và anh Tr thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn.

Nay chị H yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh Tr và anh Tr đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh Tr ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của không thể kéo dài nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Tr là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: có 01 con chung tên A, sinh ngày 12/6/2010. HĐXX xét thấy: Để đảm bảo được điều kiện sống, sự phát triển bình thường của con chung và nguyện vọng của con chung, cần giao con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật. Ghi nhận chị H không có yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh Tr khai không có nên không xét đến.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho chị H ly hôn anh Tr. Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 20/8/2019 của UBND xã B chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên A, sinh ngày 12/6/2010. Chị H được quyền nuôi dưỡng con chung và anh Tr không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Tr có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Huyền đã nộp theo biên lai thu số 0010368 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA huyện Bình Đại;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng